

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng  
chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga  
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-KĐCLGDSG ngày 19/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 825/KH-KĐCLGDSG ngày 27/9/2024 về việc ban hành kế hoạch tổ chức phiên họp Lần thứ 14 của Hội đồng KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-KĐCLGDSG ngày 27/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp Lần thứ 14 ngày 17/10/2024.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh của đoàn Đánh giá ngoài. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành

Ngôn ngữ Nga Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 47/50 tiêu chí (chiếm 94,00%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

**Điều 3.** Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga cho Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐHSP TP.HCM;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Dương Mộng Hà**

## Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ NGA  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐKĐCLGD ngày 17/10/2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	
<b>Tiêu chuẩn 1</b>					<b>Tiêu chuẩn 7</b>					
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	5	4,20	5	100	
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4				
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4				
<b>Tiêu chuẩn 2</b>				Tiêu chí 7.4	4					
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.5	4				
Tiêu chí 2.2	4				<b>Tiêu chuẩn 8</b>					
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100	
<b>Tiêu chuẩn 3</b>				Tiêu chí 8.2	4					
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4				
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4				
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5				
<b>Tiêu chuẩn 4</b>					<b>Tiêu chuẩn 9</b>					
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 9.1	4	4,00	5	100	
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4				
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	4				
<b>Tiêu chuẩn 5</b>					Tiêu chí 9.4	4				
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80,0	Tiêu chí 9.5	4				
Tiêu chí 5.2	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>					
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4,00	5	83,33	
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4				
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3				
<b>Tiêu chuẩn 6</b>				Tiêu chí 10.4	5					
Tiêu chí 6.1	4	4,14	7	100	Tiêu chí 10.5	4				
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4				
Tiêu chí 6.3	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>					
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100	
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4				
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4				
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4				
		Tiêu chí 11.5	4							
<b>Mức trung bình</b>					<b>Số tiêu chí đạt</b>			<b>Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)</b>		
4,02					47			94,0		

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ NGA**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 73/NQ-HĐKĐCLGD ngày 17/10/2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)*

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2018 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định phù hợp với quy định của Luật giáo dục đại học, với yêu cầu bậc 06 khung trình độ quốc gia Việt Nam và thể hiện gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã xác định rõ các yêu cầu năng lực về kiến thức, kỹ năng, tính tự chủ, trách nhiệm mà người học cần đạt được khi hoàn thành chương trình đào tạo. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng theo mẫu thống nhất, có đầy đủ các thông tin và được rà soát, cập nhật phản ánh trung thực về chương trình đào tạo. Các học phần trong chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, điều chỉnh. Bản mô tả và các đề cương chi tiết học phần được đăng trên website của Trường/Khoa; được công khai trong các tài liệu quảng bá, giới thiệu về Trường/Khoa để dành cho các bên tiếp cận. Giảng viên được tiếp cập Bản mô tả chương trình đào tạo hàng năm nên thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng thông tin để lập kế hoạch giảng dạy và tư vấn cho người học.

3. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, vị trí việc làm; được định kỳ rà soát, điều chỉnh cập nhật theo quy trình rõ ràng. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc tạo sự gắn kết giữa các kiến thức cơ sở cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành, thể hiện được sự gắn kết của mỗi học phần với các học phần trong các khối kiến thức khác đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được mục tiêu của chuẩn đầu ra. Sự phân bổ các khối kiến thức khá hợp lý, logic. Tổ hợp các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá được thiết kế khá phù hợp nhằm hỗ trợ đạt được chuẩn đầu ra.

4. Triết lý giáo dục được Nhà trường xây dựng, ban hành chính thức và phổ biến tới các bên liên quan. Chương trình dạy học, phương pháp dạy - học được điều chỉnh và hoàn thiện theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu cho người học; các hoạt động dạy và học đa dạng phù hợp để đạt chuẩn đầu ra; các phương pháp dạy học tích cực được áp dụng ở phần lớn các học phần; các hoạt động trải nghiệm thực tiễn được chú trọng để giúp phát triển năng lực nghề nghiệp và hoàn thiện các kỹ năng thiết yếu.

5. Trường đã có quy định, hướng dẫn triển khai đánh giá kết quả học tập của người học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo khá phù hợp với mục đích đánh giá mức đạt được chuẩn đầu ra ở các mức

độ khác nhau. Các quy định về hình thức, trọng số đánh giá được xác định trong từng đề cương học phần. Các khâu ra đề, tổ chức thi hết học phần được kiểm soát. Quy trình giải quyết khiếu nại, phúc tra được quy định đầy đủ, rõ ràng và công bố giúp người học dễ dàng tiếp cận.

6. Trường có xây dựng chiến lược phát triển và quy hoạch đội ngũ giảng viên. Tỷ lệ giảng viên/người học đáp ứng theo quy định, có quy định rõ mức chuẩn quy đổi khối lượng công việc, thực hiện giám sát và thống kê. Quy trình tuyển dụng, xét tuyển viên chức rõ ràng và thông tin công khai. Năng lực của giảng viên được xác định rõ, có hệ thống theo dõi, quản lý, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ. Công tác đào tạo/ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn giảng viên được quy hoạch cụ thể, triển khai, giám sát, đánh giá. Việc đánh giá, phân loại giảng viên và xét danh hiệu thi đua khen thưởng theo quy định. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác lập, giám sát, đánh giá.

7. Trường có các chiến lược phát triển nhân sự, có các văn bản về quy hoạch, tuyển dụng, lựa chọn, đánh giá năng lực, đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên, bảo đảm đủ đội ngũ cán bộ hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, nâng bậc và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí được xác định và được công khai, phổ biến. Kết quả đánh giá cuối năm học cho thấy đội ngũ nhân viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

8. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ, đáp ứng các quy định và được công bố nhiều hình thức. Trường sử dụng phần mềm UIS để quản lý đào tạo; có đơn các vị được giao nhiệm vụ giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ của người học. Trường có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện; theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học và có các quyết định cảnh báo học vụ đối với người học để có thể hỗ trợ người học có kế hoạch, biện pháp cải thiện kết quả học tập; có đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học.

9. Trường có đủ phòng làm việc, phòng học và phòng thực hành với tỷ lệ diện tích/người học đáp ứng quy định và được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho hoạt động đào tạo. Thư viện có kho lưu trữ, phòng đọc, không gian văn hóa, không gian sinh hoạt chung và khu học nhóm có các trang thiết bị hiện đại và có các quy định và hướng dẫn cụ thể. Trường có phòng sinh hoạt học thuật, phòng thực hành máy tính và phòng thực hành phương pháp dành cho người học ngành Ngôn ngữ Nga. Bộ phận kỹ thuật luôn duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp các trang thiết bị trong các phòng thực hành. Hệ thống công nghệ thông tin được trang bị đầy đủ máy móc thiết bị hiện đại và luôn được theo dõi, duy tu và bảo dưỡng. Trường có triển khai các quy định các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn.

10. Trường có các văn bản quy định về công tác bảo đảm chất lượng, có hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên

quan; có ban hành và cập nhật quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học; có tài liệu hướng dẫn việc tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra. Trường đã định kỳ đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, đã nâng cấp internet, xây dựng mới thư viện; có các sáng kiến trong công tác tư vấn, hỗ trợ người học, hoạt động ngoại khoá. Đội ngũ chuyên trách bảo đảm chất lượng của Trường được đào tạo bài bản, hoạt động chuyên nghiệp và nhiệt tình; có triển khai đề tài nghiên cứu khoa học để phân tích thực trạng khảo sát, đánh giá bộ công cụ khảo sát và có những cải tiến về cơ chế phản hồi các bên liên quan.

11. Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo UIS theo dõi, xây dựng và thống kê dữ liệu người học tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng hạn, thôi học theo từng khóa, từng năm; có phân tích nguyên nhân, đề xuất và thực hiện các giải pháp hỗ trợ để tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỷ lệ thôi học, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình. Trường có quy trình và sử dụng hình thức đa dạng để khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp; kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp được tăng lên qua các năm gần đây. Trường/Khoa có quy định, kế hoạch hướng dẫn người học tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; có báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của người học trong giai đoạn đánh giá. Trường có nhiều hình thức khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để cải tiến chất lượng; sự hài lòng các bên liên quan có xu hướng tăng qua các đợt khảo sát kế tiếp.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Khoa Tiếng Nga cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Khoa cần tăng cường tham khảo ý kiến các bên liên quan, nghiên cứu nhu cầu nguồn nhân lực của các tỉnh/thành trong cả nước để tiếp tục rà soát, điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ yêu cầu năng lực của người học tốt nghiệp trong bối cảnh mới, như Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, tác động của các dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Sử dụng các động từ theo mức độ nhận thức và dễ đo lường khi biểu đạt các chuẩn đầu ra và các PIs đảm bảo lượng hoá chính xác các mức độ cần đạt được của từng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ, trách nhiệm và đảm bảo sự tương thích với các mục tiêu của chương trình đào tạo.

2. Khoa cần tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật các thông tin tham chiếu, đối sánh chi tiết với các trường đại học khác; cần nhắc xây dựng và ban hành bản mô tả chương trình đào tạo bằng tiếng Nga để tăng khả năng thu hút và truyền thông về chương trình đào tạo. Cần rà soát nội dung đề cương chi tiết các học phần, đặc biệt về phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá để làm cơ sở cho hoạt động đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra. Phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết cần đa dạng hơn, đảm bảo tính liên kết giữa các chương với chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu học phần. Đồng thời cần tăng

cường các nguồn tài liệu mở/ cơ sở dữ liệu quốc tế để đảm bảo tính cập nhật kiến thức cho người học trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

3. Khoa cần rà soát, đánh giá những hình thức dạy-học, kiểm tra đánh giá mới được áp dụng để kịp thời điều chỉnh những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện. Cần rà soát lại ma trận liên kết giữa học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo để đảm bảo độ chính xác. Khi tham khảo và đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học khác, Khoa cần đi sâu nghiên cứu các nội dung (kiến thức và kỹ năng được truyền tải) của từng học phần, sự gắn kết của các học phần, chuẩn đầu ra của từng học phần, đặc biệt cần tìm hiểu phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá của mỗi môn học để có cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện. Đặc biệt, cần đổi mới mạnh mẽ, cập nhật nội dung các học phần thuộc chuyên ngành tiếng Nga nhằm tạo điều kiện cho người học thích ứng nhanh với thế giới việc làm.

4. Khoa cần tổng kết đánh giá hiệu quả các phương thức truyền thông đến với từng nhóm đối tượng khác nhau; tăng cường các giải pháp giúp các bên liên quan bên ngoài hiểu rõ tính nhất quán giữa Triết lý giáo dục của Nhà trường và định hướng học tập của người học. Định kỳ tổ chức các buổi hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm hoặc bồi dưỡng cho giảng viên các phương pháp giảng dạy mới, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Cần nghiên cứu việc xây dựng hồ sơ học tập điện tử giúp cho việc theo dõi và đánh giá mức độ tích lũy các hoạt động rèn luyện các kỹ năng. Cần tăng cường thêm các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khoá. Nghiên cứu triển khai các hoạt động thực tập/ thực tế từ năm thứ 2 hoặc chia ra thành nhiều đợt thực tập để giúp người học sớm tiếp cận với thế giới việc làm.

5. Khoa cần giúp người học điều chỉnh phương pháp học tập để cải thiện kết quả học tập. Cần thực hiện đo lường và phân tích độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi để cho thấy được mối tương quan và khác biệt kết quả đánh giá so với mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của người học, mức độ phù hợp và tương thích của các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần là phù hợp. Đồng thời cần xây dựng quy trình, biện pháp hỗ trợ người học điều chỉnh phương pháp học tập để cải thiện kết quả học tập.

6. Trường cần soát và bổ sung các chỉ số theo dõi về phát triển đội ngũ giảng viên tại từng Khoa/chương trình đào tạo trong chiến lược. Bổ sung quy định rõ mức chuẩn và quy đổi nhiệm vụ phục vụ cộng đồng trong Quy chế làm việc của giảng viên. Cập nhật tiêu chuẩn năng lực cụ thể tại từng vị trí chức danh Đề án vị trí việc làm. Rà soát hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác, năng lực đội ngũ giảng viên thành các chỉ số và định lượng rõ ràng theo các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Xây dựng, lựa chọn các nội dung/khoá tập huấn chú trọng đến các yêu cầu của giáo dục 4.0, năng lực nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo. Tăng cường hoạt động biên soạn sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tại các học phần giảng dạy trong chương trình đào tạo.

7. Trường cần định kỳ hằng năm rà soát, đánh giá mức độ thực hiện các chỉ tiêu trong kế hoạch chiến lược để kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ phù hợp với sự phát triển theo từng giai đoạn; cần có chính

sách thu hút nhân viên có năng lực chuyên môn cao đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên cần chú ý kết hợp và cân đối giữa nhu cầu cá nhân với quy hoạch phát triển của Trường và Khoa. Trường cần bổ sung vào đề án vị trí việc làm các mô tả chi tiết các hoạt động phục vụ cộng đồng và cách tính giờ quy đổi để tạo điều kiện thuận lợi trong đánh giá hiệu suất công việc của nhân viên.

8. Chính sách tuyển sinh, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học cần có ý kiến các chuyên gia, nhà tuyển dụng và cần dựa vào khảo sát, đánh giá và phân tích nhu cầu thị trường. Trường nên quan tâm đến việc tổ chức các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng tư vấn trong giáo dục, đặc biệt là tư vấn về phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học cho đội ngũ giảng viên đảm nhận công tác cố vấn học tập để nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động tư vấn hỗ trợ người học. Trường cần có những giải pháp tích cực kết nối với các đơn vị tuyển dụng, hỗ trợ người học nâng cao khả năng có việc làm sau tốt nghiệp; cần thực hiện khảo sát cảm nhận của người học về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan môi trường để cải tiến chất lượng phục vụ.

9. Trường cần bố trí không gian làm việc và sinh hoạt dành cho giảng viên. Thư viện cần đảm bảo đủ nguồn học liệu được đề xuất trong chương trình đào tạo ngành. Trường cần thiết kế một phòng học chuyên biệt dành cho người học ngành Ngôn ngữ Nga. Các quy định về các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn cần được ban hành và cần bổ sung nội dung hỗ trợ người khuyết tật. Trường cần thực hiện lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về mức độ đáp ứng của hệ thống công nghệ thông tin và về các tiêu chuẩn môi trường, sức khỏe và an toàn thường xuyên. Nội dung khảo sát cần đầy đủ và rõ ràng.

10. Cần tăng cường tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến nước ngoài và đa dạng các đối tượng khảo sát phù hợp theo các nhóm vị trí việc làm để có những nội dung tham khảo hữu ích cho cải tiến chương trình dạy học. Khoa cần định kỳ báo cáo việc rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá người học đối với việc đạt chuẩn đầu ra; cần xây dựng chính sách, giải pháp và hướng dẫn để thúc đẩy các công bố khoa học với sự tham gia của giảng viên, người học nhằm tận dụng lợi thế của ngành/lĩnh vực đào tạo trong việc phát triển chương trình đào tạo, các mô hình dạy học mới, ứng dụng để cải tiến hoạt động dạy-học. Trường cần tiếp tục nâng cấp hệ thống internet đáp ứng nhu cầu dạy và học, đặc biệt là khi áp dụng các phương pháp học tập hiện đại và thuận lợi cho việc đăng ký tín chỉ. Thường xuyên rà soát, đánh giá cơ chế phản hồi làm cơ sở cho các cải tiến về cơ chế nhằm nâng cao hiệu quả của công tác phản hồi thiết thực góp phần nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

11. Trường/Khoa nên thu thập dữ liệu tin cậy liên quan từ các cơ sở giáo dục khác trong và ngoài nước để thực hiện đối sánh; cần tổ chức hội nghị chuyên đề phân tích nguyên nhân và cải tiến giải pháp hỗ trợ người học tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình; cần rà soát, cập nhật quy định/chính sách nhằm thu hút người học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học. Trường/Khoa cần thường xuyên phối hợp với các nhà tuyển



dụng để thực hiện đánh giá mức độ hài lòng về chất lượng người học tốt nghiệp; phân tích tương quan giữa các khảo sát khác nhau và các kết quả khảo sát khác nhau của cùng một nội dung phản hồi nhằm xác định đầy đủ nguyên nhân để có các giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả; tăng cường hoạt động giám sát trong việc thực hiện kế hoạch cải tiến.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nga, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định hiện hành./.